

Số: 29

Ngày 27/7/2026

Bản tin hàng tuần

phát hành ngày thứ Hai

TÓM TẮT

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

Bản tin Văn bản pháp luật mới số 29 có các nội dung đáng chú ý sau:

- *Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.*
- *Bảo đảm an ninh, trật tự tại các cửa khẩu cảng do Bộ Công an quản lý.*
- *Chiến lược dữ liệu quốc gia giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.*
- *Văn bản dự thảo: Dự thảo Bộ luật Tổ tụng hình sự.*
- *Giải đáp pháp luật: Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo.*

VĂN BẢN CỦA ĐẢNG

ĐẨY MẠNH HỌC TẬP TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHƯƠNG PHÁP, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH TRONG GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN MỚI

Ngày 13/7/2026 Bộ Chính trị ban hành [Chỉ thị số 07-CT/TW](#) về "Đẩy mạnh học tập, thực hành tư tưởng, đạo đức, phương pháp, phong cách Hồ Chí Minh trong giai đoạn phát triển mới".

Qua 10 năm thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị, việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đã đạt nhiều kết quả quan trọng, góp phần xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; ngăn ngừa suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước; tạo động lực thực hiện các mục tiêu phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, việc triển khai ở một số địa phương, cơ quan còn mang tính hình thức, chưa tạo được chuyển biến rõ nét từ nhận thức sang hành động; trách nhiệm nêu gương của một bộ phận cán bộ, đảng viên còn hạn chế; công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện chưa thật sự hiệu quả.

Trong giai đoạn phát triển mới, Bộ Chính trị yêu cầu chuyển mạnh việc học tập và làm theo Bác sang thực hành thường xuyên, tự giác, thiết thực, gắn với chất lượng thực thi nhiệm vụ và hiệu quả phục vụ Nhân dân. Việc học tập và thực hành phải được xác định là nhiệm vụ thường xuyên của cả hệ thống

chính trị và mỗi cán bộ, đảng viên; gắn với trách nhiệm nêu gương, đạo đức công vụ, phương pháp làm việc khoa học, dân chủ, gần dân, sát dân, vì dân; lấy chất lượng công việc và sự hài lòng của Nhân dân, doanh nghiệp làm thước đo kết quả thực hiện.

Chỉ thị nhấn mạnh yêu cầu xây dựng văn hóa lãnh đạo, văn hóa công vụ và đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị, tư duy đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Cán bộ, đảng viên phải thực hành đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; chủ động tháo gỡ các điểm nghẽn, khơi thông nguồn lực phát triển; đồng thời kiên quyết thay thế những cán bộ né tránh, đùn đẩy trách nhiệm hoặc không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Trách nhiệm nêu gương, nhất là của người đứng đầu, phải được cụ thể hóa thành tiêu chí đánh giá về bản lĩnh chính trị, đạo đức công vụ, kỷ luật thực thi và tinh thần phục vụ Nhân dân.

Bộ Chính trị cũng yêu cầu đổi mới công tác nghiên cứu, tuyên truyền và giáo dục về tư tưởng, đạo đức, phương pháp, phong cách Hồ Chí Minh thông qua đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và xây dựng học liệu số. Đồng thời, tăng cường nghiên cứu giá trị lý luận, thực tiễn của Di sản Hồ Chí Minh; nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến; phát huy vai trò của báo chí, xuất bản, văn học nghệ thuật trong tuyên truyền; chủ động đấu tranh phản bác các quan điểm

sai trái, thông tin xấu độc, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng.

Về công tác kiểm tra, giám sát, Chỉ thị yêu cầu chuyển trọng tâm sang đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị, hiệu quả giải quyết các vấn đề nổi cộm, mức độ hài lòng của Nhân dân và sự chuyển biến trong đạo đức công vụ của cán bộ,

đảng viên. Việc kiểm tra phải gắn với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong theo dõi, đánh giá và công khai kết quả thực hiện; đồng thời xử lý nghiêm các tập thể, cá nhân vi phạm hoặc thực hiện mang tính hình thức.

VĂN BẢN CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

BỔ SUNG MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI

Nghị định số 281/2026/NĐ-CP ngày 13/7/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2024/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, nhằm bảo đảm phù hợp với Luật Đất đai năm 2024, Luật Xử lý vi phạm hành chính và các quy định pháp luật mới có liên quan. Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 31/8/2026.

Một trong những nội dung đáng chú ý của Nghị định là bổ sung nguyên tắc xác định hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Theo đó, việc xử phạt đối với đơn vị hành chính đặc khu được áp dụng theo mức xử phạt tương ứng với cấp chính quyền địa phương mà đặc khu thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn (phường hoặc xã). Đồng thời, trường hợp vợ và chồng cùng có quyền sử dụng đất thì được xử phạt như đối với một cá nhân.

Nghị định cũng bổ sung một số biện pháp khắc phục hậu quả nhằm

nâng cao hiệu quả xử lý vi phạm. Các biện pháp mới gồm buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm; khôi phục lại tình trạng ban đầu của mốc địa giới đơn vị hành chính; buộc thực hiện lại thủ tục hành chính về đất đai; buộc nộp lại các giấy tờ đã bị tẩy xóa, sửa chữa, làm sai lệch nội dung hoặc giấy tờ giả đã sử dụng. Đồng thời, quy định rõ nguyên tắc xác định số lợi bất hợp pháp thu được từ hành vi vi phạm để làm căn cứ buộc nộp vào ngân sách nhà nước.

Đối với hành vi không đăng ký biến động đất đai, Nghị định sửa đổi mức xử phạt đối với trường hợp không thực hiện đăng ký biến động theo quy định của Luật Đất đai, đồng thời loại trừ trường hợp nhận quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất theo Điều 127 Luật Đất đai khỏi đối tượng bị xử phạt theo quy định này.

Nghị định sửa đổi, bổ sung quy định về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các chức danh

có thẩm quyền trong hoạt động thanh tra, kiểm tra chuyên ngành đất đai.

ĐẢM BẢO AN NINH, TRẬT TỰ TẠI CÁC CỬA KHẨU CẢNG DO BỘ CÔNG AN QUẢN LÝ

Nghị định số 289/2026/NĐ-CP quy định về quản lý, bảo đảm an ninh, trật tự tại các cửa khẩu cảng do Bộ Công an quản lý. Nghị định quy định về thủ tục kiểm soát xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng; kiểm tra, giám sát người, tàu thuyền và các phương tiện; cấp Giấy phép đi bờ của thuyền viên, Giấy phép xuống tàu và các loại giấy phép liên quan; đồng thời xác định trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương và các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành trong công tác phối hợp quản lý, bảo đảm an ninh, trật tự tại cửa khẩu cảng. Nghị định áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân, tàu thuyền và các phương tiện của Việt Nam và nước ngoài hoạt động tại các cửa khẩu cảng do Bộ Công an quản lý, không áp dụng đối với hoạt động xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng và xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

Nghị định quy định cụ thể thủ tục kiểm soát đối với tàu thuyền xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh và chuyển cảng. Theo đó, tàu thuyền nhập cảnh phải làm thủ tục tại cửa khẩu cảng đầu tiên nơi tàu đến, còn tàu thuyền xuất cảnh phải hoàn thành thủ tục tại cửa khẩu cảng cuối cùng trước khi rời vùng biển hoặc biên giới quốc gia trên biển của Việt Nam. Thủ tục kiểm soát được thực hiện theo hai phương thức là điện tử

thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia và thủ công đối với các trường hợp như tàu cá Việt Nam, tàu gặp sự cố, tàu xin tránh trú bão, cấp cứu hoặc khi hệ thống điện tử gặp sự cố.

Bên cạnh đó, Nghị định quy định việc cấp ba loại giấy phép do Công an cửa khẩu cảng thực hiện, gồm Giấy phép đi bờ của thuyền viên, Giấy phép xuống tàu và Giấy phép cho người Việt Nam, người nước ngoài xuống tàu thực hiện các hoạt động như báo chí, nghiên cứu khoa học, tham quan, cập mạn tàu hoặc cho thuyền viên nghỉ qua đêm trên bờ.

Nghị định cũng quy định các biện pháp quản lý, kiểm soát đối với người và phương tiện hoạt động tại cửa khẩu cảng. Người Việt Nam và người nước ngoài khi xuống tàu hoặc hoạt động tại cửa khẩu cảng phải chấp hành sự kiểm tra, giám sát của Công an cửa khẩu cảng và các cơ quan chức năng. Người nước ngoài đến làm việc tại cảng phải có hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế và được cơ quan, doanh nghiệp đón tiếp thông báo trước cho Công an cửa khẩu cảng. Đối với thuyền viên nước ngoài, Nghị định cho phép đi bờ trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi tàu neo đậu tối đa 24 giờ mà không phải xin thị thực nếu có Giấy phép đi bờ; trường hợp đi ngoài phạm vi này hoặc xuất cảnh qua cửa khẩu khác phải thực hiện theo quy định của pháp luật về xuất nhập cảnh.

Đối với tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến nội địa và phương tiện thủy nội địa đến, rời cửa khẩu cảng,

Nghị định quy định trách nhiệm thực hiện thủ tục hoặc đăng ký với Công an cửa khẩu cảng theo quy định; đồng thời yêu cầu thuyền trưởng, chủ phương tiện cung cấp đầy đủ thông tin về phương tiện, hàng hóa, thuyền viên và hành khách khi có yêu cầu. Công an cửa khẩu cảng được kiểm tra sổ nhật ký hành trình, giấy tờ liên quan đến hàng hóa và tiến hành kiểm tra trực tiếp phương tiện khi phát hiện dấu hiệu vi phạm hoặc có căn cứ xác định việc khai báo không đầy đủ, không chính xác.

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/10/2026.

XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC HÓA CHẤT VÀ VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP

Ngày 08/7/2026, Chính phủ ban hành [Nghị định 275/2026/NĐ-CP](#) về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp.

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp thuộc lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Các hình thức xử phạt chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp gồm cảnh cáo, phạt tiền. Mức phạt tiền tối đa đối với cá nhân trong lĩnh vực hóa chất là 50.000.000 đồng; trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp là 100.000.000 đồng. Mức phạt tiền đối với tổ chức bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân có cùng một hành vi vi phạm hành chính.

Tổ chức, cá nhân vi phạm còn có thể bị áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung sau: Tước quyền sử dụng có thời hạn đối với Giấy phép, Giấy chứng nhận, Chứng chỉ trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp; đình chỉ có thời hạn một phần hoặc toàn bộ; tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm.

Ngoài các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, d, đ, e, h, i khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau: Buộc nộp lại Giấy phép, Giấy chứng nhận, Chứng chỉ bị viết thêm, tẩy xóa, sửa chữa làm thay đổi nội dung; buộc hủy bỏ kết quả kiểm tra huấn luyện an toàn hóa chất của tổ chức, cá nhân; buộc tái chế chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế còn có khả năng tái chế; buộc khắc phục tình trạng không đảm bảo an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, đánh giá vật liệu nổ công nghiệp; buộc khắc phục tình trạng không đảm bảo an ninh, an toàn trong quá trình bảo quản vật liệu nổ công nghiệp, trong xây dựng, trang bị các loại công cụ hỗ trợ, phương tiện, công trình bảo vệ, canh gác trong kho vật liệu nổ công nghiệp; buộc di chuyển hàng vật liệu nổ công nghiệp dự trữ đến kho, địa điểm theo quy định; buộc hủy hợp đồng đã ký trái quy định; buộc khắc phục tình trạng không bảo đảm các quy định về điều kiện sản xuất hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn; buộc khắc phục tình trạng không bảo đảm duy trì điều kiện của

cơ sở thực hiện khảo nghiệm, kiểm nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế.

Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính nhiều lần thì xử phạt vi phạm hành chính một lần về hành vi vi phạm, đồng thời áp dụng tình tiết tăng nặng vi phạm hành chính nhiều lần đối với hành vi vi phạm hành chính, trừ các hành vi vi phạm liên quan đến giấy phép, điều kiện xuất khẩu, nhập khẩu quy định tại khoản 3 Điều 21, khoản 3 Điều 22, khoản 2 Điều 23, Điều 47 và điểm a khoản 4 Điều 59 Nghị định này thì áp dụng hình thức xử phạt hành chính đối với từng lần vi phạm.

MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ BẢO HIỂM TIỀN GỬI VIỆT NAM

Ngày 13/7/2026, Chính phủ ban hành [Nghị định số 280/2026/NĐ-CP](#) quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý, đầu tư vốn nhà nước, giám sát, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn tại Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.

Theo Nghị định, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam là tổ chức bảo hiểm tiền gửi theo quy định tại Luật Bảo hiểm tiền gửi, hoạt động theo mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có con dấu và được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo pháp luật của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo pháp luật của Bảo hiểm

tiền gửi Việt Nam được ủy quyền bằng văn bản cho người khác.

Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam được ủy quyền cho tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi chi trả số tiền bảo hiểm cho người được bảo hiểm tiền gửi. Việc ủy quyền phải thông qua hợp đồng ủy quyền trả tiền bảo hiểm.

Trường hợp nguồn vốn của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam tạm thời không đủ để trả tiền bảo hiểm, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam được tiếp nhận hỗ trợ theo nguyên tắc có hoàn trả từ ngân sách nhà nước theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ hoặc được vay của tổ chức tín dụng, tổ chức khác có bảo lãnh của Chính phủ.

Việc đánh giá, xếp loại Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam dựa trên tổng doanh thu; chênh lệch thu chi; chấp hành pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, quy định về chế độ báo cáo tài chính, báo cáo để thực hiện giám sát tài chính; tỷ suất chênh lệch thu chi trên vốn chủ sở hữu - ROE (Trường hợp ROE không khả dụng, giao chỉ tiêu tỷ suất chênh lệch thu chi trên tổng tài sản - ROA).

Căn cứ đánh giá, xếp loại Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam dựa trên: Mức độ thực hiện nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch tài chính được giao hằng năm; báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi Kiểm toán Nhà nước; kết quả giám sát, kiểm tra hoạt động quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam; các vấn đề phát sinh tác động đến kết

quả thực hiện kế hoạch tài chính của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.

Ngân hàng Nhà nước giao chỉ tiêu đánh giá, xếp loại cho Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam phù hợp với tính chất hoạt động của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam. Việc đánh giá Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam thực hiện trên cơ sở so sánh giữa nhiệm vụ, chỉ tiêu do Ngân hàng Nhà nước giao với kết quả thực hiện.

8 NHIỆM VỤ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC DỮ LIỆU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2026 – 2030

Thủ tướng Chính phủ vừa có [Quyết định số 1308/QĐ-TTg](#) ngày 18/7/2026 phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Mục tiêu tổng quát của Chiến lược là Việt Nam hình thành hệ sinh thái dữ liệu quốc gia thống nhất, hiện đại, an toàn, tin cậy, liên thông và dùng chung; phát triển đồng bộ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, kho dữ liệu, nền tảng dữ liệu và hạ tầng tính toán dùng chung theo kiến trúc thống nhất; phát huy dữ liệu trở thành tài nguyên chiến lược, tư liệu sản xuất quan trọng và động lực mới cho quản trị quốc gia, phát triển kinh tế số, xã hội số; đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo, điện toán hiệu năng cao và các công nghệ số chiến lược trong phân tích, dự báo, hoạch định chính sách và cung cấp dịch vụ thông minh; phát triển kinh tế dữ liệu, công nghiệp dữ liệu và thị trường dữ liệu; từng bước tự chủ, làm chủ công nghệ, hạ tầng AI, hạ tầng tính toán hiệu năng cao, nền

tảng và sản phẩm dữ liệu cốt lõi; bảo đảm an ninh, an toàn, bảo vệ dữ liệu cá nhân và chủ quyền dữ liệu quốc gia, góp phần phát triển đất nước nhanh, bền vững trong kỷ nguyên số.

Chiến lược đưa ra 8 nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm để đạt được các mục tiêu trên: Xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách; phát triển hạ tầng và nền tảng dữ liệu quốc gia; phát triển dữ liệu; phát triển kinh tế dữ liệu và thị trường dữ liệu; phát triển nguồn nhân lực dữ liệu; bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu và chủ quyền dữ liệu; ứng dụng Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; tăng cường hợp tác quốc tế về dữ liệu.

Các mục tiêu cụ thể đến năm 2030: tập trung vào việc hoàn thiện thể chế và nâng cao năng lực quản trị dữ liệu; phát triển cơ sở dữ liệu và nền tảng dữ liệu dùng chung; phát triển hạ tầng dữ liệu và hạ tầng tính toán quốc gia; phát triển dữ liệu và hạ tầng phục vụ trí tuệ nhân tạo; phát triển kinh tế dữ liệu, công nghiệp dữ liệu và thị trường dữ liệu; phát triển nguồn nhân lực dữ liệu; bảo đảm an ninh và chủ quyền dữ liệu.

Mục tiêu đến năm 2045 là: 100% hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, quản trị và điều hành của cơ quan Đảng, Nhà nước được hỗ trợ bởi dữ liệu; 100% dịch vụ công đủ điều kiện được cung cấp toàn trình trên môi trường điện tử; tối thiểu 90% dịch vụ công thiết yếu được cung cấp chủ động, tự động hoặc cá nhân hóa dựa trên dữ liệu; mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đạt từ 99% trở lên; Việt Nam làm chủ tối

thiếu 80% nền tảng, công nghệ và sản phẩm cốt lõi phục vụ quản trị, lưu trữ, xử lý, phân tích và bảo vệ dữ liệu; có năng lực tự chủ về điện toán đám mây, hạ tầng tính toán hiệu năng cao, hạ tầng AI, mô hình AI và an ninh dữ liệu...

Bộ Công an là cơ quan thường trực giúp Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương tổ chức triển khai, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Chiến lược dữ liệu quốc gia.

ĐẨY NHANH TIẾN ĐỘ TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG NĂM 2026

Thủ tướng Chính phủ ban hành [Chỉ thị số 29/CT-TTg](#) nhằm đẩy nhanh tiến độ triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong năm 2026.

Chỉ thị xác định khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Các bộ, ngành và địa phương phải coi việc thực hiện các nhiệm vụ và giải ngân vốn trong lĩnh vực này là nhiệm vụ chính trị trọng tâm của năm 2026. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị phải trực tiếp chỉ đạo, chịu trách nhiệm toàn diện về tiến độ, chất lượng thực hiện nhiệm vụ và hiệu quả sử dụng nguồn vốn, bảo đảm giải ngân gắn với chống lãng phí, tiêu cực.

Về hoàn thiện cơ chế, chính sách, Chỉ thị giao Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì rà soát, đề xuất sửa đổi,

bổ sung hoặc ban hành các cơ chế, chính sách nhằm tạo môi trường thuận lợi cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, hoàn thành trong quý IV năm 2026. Đồng thời, Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm rà soát các quy định về ngân sách, đầu tư công và cơ chế tài chính liên quan; đơn giản hóa thủ tục, tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát, bảo đảm sử dụng nguồn lực công khai, minh bạch và hiệu quả.

Để đẩy nhanh tiến độ triển khai các nhiệm vụ trong năm 2026, Chỉ thị yêu cầu các bộ, ngành và địa phương khẩn trương rà soát toàn bộ danh mục nhiệm vụ, dự án được giao, phân loại theo khả năng triển khai, những vướng mắc cần tháo gỡ và các nhiệm vụ không còn khả năng thực hiện. Đặc biệt, các địa phương phải tập trung khắc phục những hạn chế trong triển khai và giải ngân kinh phí ở cấp xã, đánh giá năng lực thực hiện chuyển đổi số tại cơ sở, tăng cường hỗ trợ chuyên môn và chủ động tổ chức mua sắm, thuê dịch vụ công nghệ số đối với các nhiệm vụ dùng chung nhằm bảo đảm triển khai đồng bộ, hiệu quả.

Chỉ thị cũng yêu cầu tập trung nguồn lực đầu tư cho các lĩnh vực trọng điểm. Trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, ưu tiên bố trí vốn cho phát triển công nghệ chiến lược, các nhiệm vụ tạo ra sản phẩm có tiềm năng, lợi thế của địa phương và các dự án đầu tư nâng cấp trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm trọng điểm quốc

gia. Trong lĩnh vực chuyển đổi số, ưu tiên đầu tư xây dựng hạ tầng dữ liệu quốc gia, các cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành, nền tảng số dùng chung và các dự án phục vụ mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG ĐUỐI NƯỚC ĐỐI VỚI TRẺ EM

Thủ tướng Chính phủ vừa ban hành [Công điện số 46/CD-TTg](#) ngày 10/7/2026 về tiếp tục tăng cường công tác phòng, chống đuối nước đối với trẻ em.

Công điện được ban hành nhằm khẩn trương khắc phục hậu quả của các vụ đuối nước xảy ra gần đây và tiếp tục chủ động, tập trung thực hiện hiệu quả công tác phòng, chống tai nạn đuối nước đối với trẻ em, học sinh trên phạm vi cả nước. Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, các cơ quan liên quan thực hiện nghiêm các nhiệm vụ được giao tại Công điện số 40/CD-TTg ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác phòng, chống đuối nước đối với trẻ em.

Người đứng đầu chính quyền địa phương chịu trách nhiệm trong trường hợp xảy ra các vụ tai nạn đuối nước nghiêm trọng trên địa bàn; đồng thời, khẩn trương tập trung thực hiện quyết liệt một số việc trọng tâm: rà soát, cảnh báo kịp thời các địa điểm có nguy cơ gây tai nạn đuối nước tại địa bàn; nâng cao ý thức, kiến thức, kỹ năng phòng, chống đuối nước cho trẻ em, học sinh và phụ huynh học sinh; đẩy mạnh công tác truyền thông về trách nhiệm của gia đình, nhà trường trong việc quản lý, giám sát trẻ em, nhất là trong thời gian nghỉ hè và tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện công tác phòng, chống đuối nước trẻ em, học sinh tại các địa phương.

Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tiếp tục chỉ đạo các cơ quan liên quan phối hợp chặt chẽ với các bộ, cơ quan, địa phương tập trung triển khai hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục về ý thức, kiến thức, kỹ năng phòng, chống đuối nước cho trẻ em, học sinh.

VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỤ THỂ TRONG QUẢN LÝ THUẾ

[Thông tư số 94/2026/TT-BTC](#) quy định về quản lý tuân thủ và quản lý rủi ro trong quản lý thuế, có hiệu lực từ ngày 01/7/2026, thay thế Thông tư số 31/2021/TT-BTC. Thông tư quy định việc thu thập, xử lý và sử

dụng thông tin về người nộp thuế; tiêu chí đánh giá, phân loại mức độ tuân thủ pháp luật thuế và mức độ rủi ro; đồng thời hướng dẫn áp dụng quản lý rủi ro trong toàn bộ hoạt động quản lý thuế nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, khuyến khích người nộp thuế tự nguyện tuân thủ

và kịp thời phòng ngừa, phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm.

Một nội dung mới nổi bật của Thông tư là xây dựng Phân hệ quản lý tuân thủ và rủi ro thuế thuộc Hệ thống quản trị thuế của ngành Thuế. Phân hệ này được vận hành tập trung để thu thập, chuẩn hóa, phân tích dữ liệu; đánh giá mức độ tuân thủ, chấm điểm và phân loại rủi ro; cảnh báo dấu hiệu vi phạm; hỗ trợ đề xuất các biện pháp quản lý phù hợp. Hệ thống được phép ứng dụng công nghệ dữ liệu lớn (Big Data), học máy (Machine Learning), trí tuệ nhân tạo (AI) và các công nghệ phân tích hiện đại nhằm nâng cao chất lượng dự báo và quản lý rủi ro, nhưng chỉ đóng vai trò hỗ trợ, không thay thế thẩm quyền quyết định của cơ quan thuế và công chức thuế.

Thông tư quy định ba phương pháp đánh giá gồm phương pháp chấm điểm và phân loại theo điểm, phương pháp học máy và phương pháp xếp hạng theo danh mục. Cơ quan thuế được thu thập thông tin từ nhiều nguồn như dữ liệu nội bộ ngành Thuế, cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân, tổ chức quốc tế và cơ quan thuế nước ngoài theo các điều ước quốc tế. Thông tin sau khi được thu thập sẽ được kiểm tra, phân loại, phân tích và tổng hợp để phục vụ đánh giá mức độ tuân thủ và mức độ rủi ro của người nộp thuế.

Về quản lý tuân thủ, Thông tư phân loại người nộp thuế thành bốn mức gồm: tuân thủ tốt, tuân thủ trung bình, tuân thủ thấp và không tuân thủ. Căn cứ kết quả phân loại, cơ quan thuế áp dụng các biện pháp quản lý phù hợp.

Thông tư cũng quy định bốn trường hợp người nộp thuế thuộc diện giám sát trọng điểm, gồm: có giao dịch đáng ngờ liên quan đến trốn thuế hoặc gian lận thuế; bị khởi tố về các hành vi vi phạm về thuế, hóa đơn, chứng từ; có dấu hiệu rủi ro cao thuộc các chuyên đề trọng điểm; hoặc thuộc nhóm không tuân thủ và không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc giải trình theo yêu cầu của cơ quan thuế. Đối với các trường hợp này, cơ quan thuế sẽ áp dụng các biện pháp giám sát và quản lý chặt chẽ hơn.

Về quản lý rủi ro, người nộp thuế được phân thành ba mức: rủi ro cao, rủi ro trung bình và rủi ro thấp. Thông tư quy định thời hạn kiểm tra sau hoàn thuế tối đa là 01 năm đối với hồ sơ rủi ro cao, 03 năm đối với hồ sơ rủi ro trung bình và 05 năm đối với hồ sơ rủi ro thấp, kể từ ngày ban hành quyết định hoàn thuế.

Đối với kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế, ít nhất 90% số trường hợp kiểm tra theo kế hoạch hằng năm phải được lựa chọn trên cơ sở kết quả phân tích, đánh giá rủi ro; số trường hợp được lựa chọn ngẫu nhiên không quá 10%.

QUY ĐỊNH VỀ THỰC HÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI

Thông tư 29/2026/TT-BYT quy định về thực hành công tác xã hội và cập nhật kiến thức công tác xã hội được Bộ Y tế ban hành ngày 06/7/2026.

Thông tư quy định về thực hành công tác xã hội được thực hiện tại các đơn vị, cơ sở có cung cấp dịch vụ công tác xã hội theo quy định tại

điểm b khoản 2 Điều 35 Nghị định
số 110/2024/NĐ-CP ngày
30/08/2024 về công tác xã hội.

Nội dung thực hành tập trung vào
đạo đức nghề nghiệp; năng lực, trình
độ chuyên môn; kỹ năng thực hành;
kỹ năng truyền thông, vận động
nguồn lực, kết nối thực hiện các hoạt
động công tác xã hội; kỹ năng phối
hợp thực hiện các hoạt động công
tác xã hội.

Thời gian thực hành được quy
định theo trình độ đào tạo, tối thiểu
là 12 tháng (800 giờ) đối với trình độ
đại học trở lên, 9 tháng (650 giờ) đối
với trình độ cao đẳng và 6 tháng
(500 giờ) đối với trình độ trung cấp.

Cơ sở thực hành công tác xã hội
và người thực hành thỏa thuận sắp
xếp thời gian hợp lý, bảo đảm thực

hành đủ nội dung thực hành theo quy
định, không bắt buộc phải thực hành
theo giờ hành chính hoặc giờ làm
việc của cơ sở. Trong quá trình thực
hành, người thực hành được tham
gia tập huấn các quy định pháp luật
về công tác xã hội, an sinh xã hội,
chuyên môn về công tác xã hội, đạo
đức nghề nghiệp công tác xã hội, kỹ
năng giao tiếp và ứng xử của người
hành nghề công tác xã hội với tổng
thời lượng là 10 buổi. Thời gian tập
huấn được tính vào tổng thời gian
thực hành công tác xã hội.

Dựa trên tổng hợp nhu cầu của
người thực hành, khả năng tiếp nhận
người thực hành, cơ sở thực hành
công tác xã hội xây dựng kế hoạch
hướng dẫn thực hành trước ngày
15/01 hằng năm.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

DỰ THẢO BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ

*Dự thảo Bộ luật Tổ tụng hình sự
gồm 9 phần với 499 điều.*

*Bộ luật Tổ tụng hình sự quy định
trình tự, thủ tục tiếp nhận, giải quyết
nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều
tra, truy tố, xét xử và một số thủ tục
thi hành án hình sự; nhiệm vụ, quyền
hạn và mối quan hệ giữa các cơ
quan có thẩm quyền tiến hành tố
tụng; nhiệm vụ, quyền hạn và trách
nhiệm của người có thẩm quyền tiến
hành tố tụng; quyền và nghĩa vụ của
người tham gia tố tụng, cơ quan, tổ
chức, cá nhân; hợp tác quốc tế trong
tố tụng hình sự.*

*Một trong những điểm đáng chú ý
của dự thảo Bộ luật Tổ tụng hình sự
là quy định cụ thể về nguyên tắc suy
đoán vô tội. Cụ thể, Người bị buộc
tội được coi là không có tội cho đến
khi được chứng minh theo trình tự,
thủ tục và có bản án kết tội của Tòa
án đã có hiệu lực pháp luật. Khi
không đủ và không thể làm sáng tỏ
căn cứ để buộc tội, kết tội theo trình
tự, thủ tục thì cơ quan, người có
thẩm quyền tiến hành tố tụng phải
kết luận người bị buộc tội không có
tội; Khi có nghi ngờ về các tình tiết
làm căn cứ buộc tội, kết tội hoặc áp
dụng hậu quả pháp lý bất lợi đối với
người bị buộc tội mà không thể làm
sáng tỏ theo trình tự, thủ tục do Bộ*

luật này quy định thì phải xử lý theo hướng có lợi cho họ.

Ngoài ra, Bộ luật Tổ tụng hình sự cũng quy định hoạt động tố tụng điện tử. Theo đó, cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng có thể thực hiện hoạt động tố tụng điện tử trong quá trình giải quyết vụ việc, vụ án. Hoạt động tố tụng điện tử có giá trị pháp lý như hoạt động tố tụng thông thường.

Bên cạnh đó, Bộ luật cũng quy định một số nội dung nhằm đảm bảo nguyên tắc có lợi cho người phạm tội trong các trường hợp như: Người phạm tội tự nguyện nhận tội, chấp nhận hình phạt...

DỰ THẢO THÔNG TƯ QUY ĐỊNH CHI TIẾT VÀ HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG THANH TRA, KIỂM TRA, GIÁM SÁT VỀ AN TOÀN BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN

Dự thảo Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát về an toàn bức xạ và hạt nhân gồm 4 chương, 58 điều do Bộ Khoa học và Công nghệ soạn thảo.

Thông tư hướng dẫn thực hiện quy định về nội dung thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về an toàn bức xạ và hạt nhân đối với cơ sở tiến hành công việc bức xạ; thanh tra, kiểm tra đối với nhà máy điện hạt nhân, lò

phản ứng hạt nhân nghiên cứu; tần suất thanh tra, kiểm tra đối với các loại hình cơ sở tiến hành công việc bức xạ, cơ sở hạt nhân. Thông tư áp dụng đối với Thủ trưởng cơ quan thanh tra, Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước, người tiến hành thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về an toàn bức xạ và hạt nhân; người thực hiện hoạt động giám sát việc bảo đảm an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân và an ninh hạt nhân; đối tượng thanh tra, kiểm tra, giám sát và cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan.

Dự thảo quy định các nội dung thanh tra, kiểm tra về: An toàn bức xạ, hạt nhân; nhà máy điện hạt nhân; giai đoạn vận hành thử; lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu. Mỗi nội dung thanh tra, kiểm tra đều có các quy định cụ thể, tương ứng.

Thông tư cũng quy định cụ thể đối với việc giám sát an toàn nhà máy điện hạt nhân, lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu. Theo đó, việc giám sát được phân chia thực hiện theo các giai đoạn cụ thể gồm: khảo sát, đánh giá địa điểm khảo sát, đánh giá địa điểm; giai đoạn xây dựng; giai đoạn vận hành thử; giai đoạn vận hành; giai đoạn chấm dứt hoạt động. Các kết quả giám sát phải được lập thành báo cáo, lập hồ sơ và phải được lưu giữ theo quy định.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: Nguyên tắc xây dựng, cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiếp

công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo là gì?

Trả lời: [Nghị định số 197/2026/NĐ-CP](#) ngày 03/6/2026

quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo có hiệu lực từ ngày 01/7/2026.

Điều 4 Nghị định số 197/2026/NĐ-CP quy định:

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ dữ liệu cá nhân và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Bảo đảm phù hợp với Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số, Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu dùng chung; đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định của pháp luật.

- Dữ liệu được rà soát, cập nhật, quản lý bảo đảm kịp thời, đầy đủ, chính xác, thống nhất, đồng bộ và đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

- Bảo đảm việc quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu chặt chẽ, an toàn, ổn định, thông suốt; việc khai thác, sử dụng dữ liệu được thực hiện theo phân quyền, đúng mục đích, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng theo quy định của pháp luật.

- Bảo đảm lấy người dân làm trung tâm, tạo điều kiện để người dân theo dõi, giám sát quá trình xử lý vụ việc của mình trên môi trường số.

- Việc quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu phải bảo đảm công khai, minh bạch, có khả năng truy xuất nguồn

gốc, lịch sử cập nhật và chủ thể thực hiện, có thể kiểm tra, giám sát, làm rõ trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

- Bảo đảm tự động hóa, số hóa toàn trình quản lý, xử lý dữ liệu, hạn chế tối đa việc xử lý thủ công.

2. Hỏi: Thời điểm nhập dữ liệu về tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo vào Cơ sở dữ liệu quốc gia được quy định như thế nào?

Trả lời: Khoản 1, Điều 7 Nghị định số 197/2026/NĐ-CP quy định: Cơ quan, người có thẩm quyền có trách nhiệm cập nhật dữ liệu ngay từ thời điểm tiếp nhận khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và tiếp tục cập nhật đầy đủ, kịp thời trong suốt quá trình tiếp công dân, xử lý đơn, thụ lý, giải quyết và công khai kết quả. Việc cập nhật dữ liệu phải bảo đảm liên tục, đồng bộ, phản ánh đúng trạng thái xử lý vụ việc theo từng thời điểm. Trường hợp không cập nhật hoặc chậm cập nhật sẽ bị xử lý trách nhiệm tùy theo mức độ vi phạm.

3. Hỏi: Cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền có phải thông báo kết quả xử lý đơn cho người khiếu nại, tố cáo, phản ánh không?

Trả lời: Khoản 1, Điều 14 Nghị định số 197/2026/NĐ-CP quy định: Cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo cho người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về việc tiếp nhận, thụ lý, chuyển đơn và kết quả giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Hỏi: Cơ quan có thẩm quyền cần phải làm gì trước khi công khai

kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên Cơ sở dữ liệu quốc gia?

Trả lời: [Điều 15](#) Nghị định số 197/2026/NĐ-CP quy định: Việc công khai kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên Cơ sở dữ liệu được thực hiện theo quy định của pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo.

Nội dung gồm các thông tin sau: Số, ngày, tháng, năm, ban hành quyết định giải quyết; Cơ quan, người có thẩm quyền ban hành; Nội dung chính của kết quả giải quyết.

Trước khi công khai, cơ quan có thẩm quyền phải rà soát, xử lý, không công khai các thông tin thuộc bí mật nhà nước, thông tin cá nhân và các thông tin nhạy cảm theo quy định của pháp luật./.